

BÁO CÁO

**V/v tiến độ thực hiện, giải ngân và đề xuất điều chỉnh
danh mục các công trình thuộc Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới kế hoạch năm 2020**

Thực hiện Công văn số 1332/SKH-KTN ngày 24/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và báo cáo kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. UBND huyện kính báo cáo như sau:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2020:

a. Vốn đầu tư phát triển

- **Tổng số vốn đã giao đến 15/9/2020:** 34.496 triệu đồng (NSTW 31.263 triệu đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.233 triệu đồng), cụ thể:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.233 triệu đồng.

- Ngân sách TW hỗ trợ 31.263 triệu đồng, trong đó bố trí theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới 13 xã là 28.535 triệu đồng (vốn trong nước 7.735 triệu đồng, vốn nước ngoài 20.800 triệu đồng); hỗ trợ Chương trình phát triển kinh tế HTX 2.728 triệu đồng)

- **Giá trị khối lượng thực hiện đến 15/9/2020:** 21.270/34.496 triệu đồng, đạt 62% kế hoạch đã bố trí. Trong đó:

- Nguồn tỉnh hỗ trợ: 2.453/3.233 triệu đồng, đạt 75,87%;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: 18.817/31.263 triệu đồng, đạt 60%

- **Giá trị giải ngân đến 15/9/2020:** 10.886/34.496 triệu đồng, đạt 32% kế hoạch đã bố trí. Trong đó:

+ Nguồn tỉnh hỗ trợ: 2.133/3.233 triệu đồng, đạt 66%;

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: 8.744/31.263 triệu đồng, đạt 28% (Ngân sách bố trí theo tiêu chí: 8.135/28.535 triệu đồng, đạt 29%, Hỗ trợ Chương trình phát triển kinh tế HTX: 609/2.728 triệu đồng, đạt 22,3 %)

b. Vốn sự nghiệp:

- Tổng số vốn đã giao đến 15/9/2020: 6.753 triệu đồng.

- Khối lượng thực hiện đến 15/9/2020: 5.853 triệu đồng.

- Giá trị giải ngân đến 15/9/2020: 2.153,4/6.753 triệu đồng, đạt 32% kế hoạch đã bố trí.

(Chi tiết theo các biểu 01, 02, 03 phụ lục đính kèm)

2. Đề xuất điều chỉnh danh mục, điều chuyển vốn các công trình:

UBND huyện đã chỉ đạo, đốc thúc UBND các xã/thị trấn triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid-19, sáp nhập các xã nên khả năng đóng góp nhân dân các thôn gặp khó khăn. Vì vậy, UBND huyện xin

điều chỉnh, điều chuyển vốn danh mục các công trình khởi công mới năm 2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

a. Điều chỉnh danh mục

- **UBND Thị trấn Diên Sanh:** Điều chỉnh công trình: Hệ thống thoát nước vận động sang công trình : Bê tông hóa giao thôn nội đồng HTX Thọ Nam.

b. Điều chỉnh, cắt vốn công trình:

- Cắt vốn công trình: Kiên cố hóa kênh mương Đồng Bằng, xã Hải Phong sang bố trí 02 công trình: Bê tông hóa đường xóm thôn Phú Hưng, xã Hải Phú và bê tông hóa đường xóm thôn Long Hưng, xã Hải Phú.

(Chi tiết theo biểu 04 phụ lục đính kèm)

UBND huyện kính Báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm tổng hợp, trình UBND tỉnh Quyết định./.

Nơi nhận: *mn*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Thịnh

BIỂU TÍNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NỢ AN NHIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020 ĐẾN 15/9/2020

Biểu 01



Kiểm tra và ký: Ủy ban DPTT ngân sách Trung ương
UBND-BC ngày 14/9/2020 của UBND huyện Hải Lăng

Đơn: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020				Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020				Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
A	TỔNG CỘNG		31.263,0	10.463,0	20.800,0	8.744,3	-	27,97	29.477,0	9.663,0	19.814,0	
I	Ngân sách trung ương		31.263,0	10.463,0	20.800,0	8.744,3	-	27,97	29.477,0	9.663,0	19.814,0	
I.1	Ngân sách trung ương bố trí theo tiêu chí		28.535,0	7.735,0	20.800,0	8.135,3	-	28,51	26.749,0	6.935,0	19.814,0	
1	Hải Phú		1.040,0	-	1.040,0	740,0	-	71,15	1.040,0	-	1.040,0	
1.1	Nghĩa trang nhân dân thôn Phú Hưng, xã Hải Phú (Hạng mục: San gạt mặt bằng và đường vào)	UBND xã Hải Phú	352,0		352,0	352,0		100,00	352,0		352,0	
1.2	Trung tâm Thể dục thể thao xã Hải Phú (Hạng mục: Sân khấu, sân gạt mặt bằng sân và các hạng mục phụ trợ)	UBND xã Hải Phú	300,0		300,0	-		-	300,0		300,0	
1.3	Bê tông hóa đường xóm ông Thái, thôn Long Hưng, xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú	38,0		38,0	38,0		100,00	38,0		38,0	
1.4	Bê tông hóa đường xóm Ông Uyển, thôn Phú Hưng, xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú	70,0		70,0	70,0		100,00	70,0		70,0	
1.5	Sân vận hóa thôn Long Hưng, xã Hải Phú (Hạng mục: San tạo mặt bằng)	UBND xã Hải Phú	120,0		120,0	120,0		100,00	120,0		120,0	
1.6	Bê tông hóa đường xóm đội 2, thôn Long Hưng, xã Hải Phú (giai đoạn 2)	UBND xã Hải Phú	35,0		35,0	35,0		100,00	35,0		35,0	
1.7	Bê tông hóa đường Bàu Sen, thôn Long Hưng, xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú	40,0		40,0	40,0		100,00	40,0		40,0	
1.8	Mở rộng mặt đường đoạn từ trường tiểu học đến giáp nhà ông Hựu, thôn Long Hưng, xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú	85,0		85,0	85,0		100,00	85,0		85,0	
2	Hải Thượng		1.040,0	-	1.040,0	996,0	-	95,77	1.040,0	-	1.040,00	
2.1	Bê tông hóa đường giao thông thôn Thượng Xá, xã Hải Thượng	UBND xã Hải Thượng	484,0		484,0	484,0		100,00	484,0		484,0	
2.2	Bê tông hóa đường GTND thôn Thượng Xá, xã Hải Thượng	UBND xã Hải Thượng	512,0		512,0	512,0		100,00	512,0		512,0	
2.3	Trường THCS Hải Thượng (Hạng mục: Sân chơi và sân luyện tập thể dục thể thao)	UBND xã Hải Thượng	44,0		44,0	-		-	44,0		44,0	
3	Hải Lâm		1.040,0	-	1.040,0	-	-	-	1.040,0	-	1.040,00	
3.1	Kiến cổ hóa giao thông nông thôn, thôn Mai Dàn, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	100,0		100,0	-		-	100,0		100,0	
3.2	Kiến cổ hóa giao thông nông thôn, thôn Thượng Nguyên, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	255,0		255,0	-		-	255,0		255,0	
3.3	Kiến cổ hóa giao thông nông thôn, thôn Trường Phước, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	250,0		250,0	-		-	250,0		250,0	
3.4	Kiến cổ hóa giao thông nông thôn, thôn Xuân Lâm, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	70,0		70,0	-		-	70,0		70,0	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020				Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020				Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài				
3.5	Kiến cổ hóa KM thôn tuyến Miếu Giàng, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	60,0		60,0	-				-		60,0		60,0		
3.6	Kiến cổ hóa KM Tuyến La Viết, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	127,0		127,0	-				-		127,0		127,0		
3.7	Kiến cổ hóa KM Tuyến Tùng Trong, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	95,0		95,0	-				-		95,0		95,0		
3.8	Kiến cổ hóa KM Tuyến Hải -Hồ Cạ, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	45,0		45,0	-				-		45,0		45,0		
3.9	Xây mới 03 công: Sen Thương; Bàu Sắt; Xóm Phòng, xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	38,0		38,0	-				-		38,0		38,0		
4	Hải Phong		2.080,0		2.080,0	680,0	-	680,00	32,69	1.980,0	-	1.980,0				
4.1	Xây dựng trạm bơm Dòng Bàng	UBND xã Hải Phong	150,0		150,0	-			-	150,0		150,0		150,0		
4.2	Kiến cổ hóa KM nội dòng tuyến Dòng sâu từ Thừ về đến Bàu, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	300,0		300,0	-			-	300,0		300,0		300,0		
4.3	Kiến cổ hóa GTND tuyến từ cầu xóm Hòa đến Trộ Môn, xã Tân	UBND xã Hải Phong	100,0		100,0	-			-	100,0		100,0		100,0		
4.4	Kiến cổ hóa GTND tuyến Đại Hữu đến Thượng Phước, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	50,0		50,0	-			-	50,0		50,0		50,0		
4.5	Kiến cổ hóa GTND tuyến Thương kiệt Giữa đến Đường Phê, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	190,0		190,0	-			-	190,0		190,0		190,0		
4.6	Xây dựng công nội dòng vùng Bến Lội, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	150,0		150,0	-			-	150,0		150,0		150,0		
4.7	Kiến cổ hóa kênh mương Dòng Bàng	UBND xã Hải Phong	100,0		100,0	-			-						Cải vốn	
4.8	Trường TH&THCS Hải Hòa, hạng mục: Lát gạch tazeo mặt sân	UBND xã Hải Phong	320,0		320,0	320,0		320,00	100,00	320,0		320,0		320,0		
4.9	Trường mầm non Hải Hòa; Hạng mục: Phòng âm nhạc	UBND xã Hải Phong	360,0		360,0	360,0		360,00	100,00	360,0		360,0		360,0		
4.10	Kè chống sạt lở khu dân cư xóm Vèng, Xã Hải Hòa	UBND xã Hải Phong	168,0		168,0	-			-	168,0		168,0		168,0		
4.11	Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Sơn Hòa, đoạn thôn Hưng Nhơn, xã Hải Hòa	UBND xã Hải Phong	192,0		192,0	-			-	192,0		192,0		192,0		
5	Hải Hưng		4.792,0	3.752,0	1.040,0	1.138,0	-	1.138,0		4.792,0	3.752,0	1.040,0				
5.1	Bê tông hoá GTNT thôn Trà Trĩ, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	23,0	23,0	-	-			-	23,0		23,0		-		
5.2	Bê tông hoá GTNT thôn Duân Kinh, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	36,0	36,0	-	-			-	36,0		36,0		-		
5.3	Bê tông hóa trục chính nội dòng Nội Dập Công lương, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	173,0	173,0	-	-			-	173,0		173,0		-		
5.4	Bê tông hóa trục chính nội dòng từ nhà ông Dũng - Cát lấp, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	94,0	94,0	-	-			-	94,0		94,0		-		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020				Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020				Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài				
5.5	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ đường Hải Xuân TT - Bông, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	184,0	184,0	-	-	-	-	-	-	184,0	184,0	-	-		
5.6	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ cầu đập ngang - Hới tiêu, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	88,0	88,0	-	-	-	-	-	-	88,0	88,0	-	-		
5.7	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ N49 - Tào Mỏ, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	61,2	61,2	-	-	-	-	-	-	61,2	61,2	-	-		
5.8	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ Kênh N4 - Ràn, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	116,8	116,8	-	-	-	-	-	-	116,8	116,8	-	-		
5.9	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ Cầu K5 - Mỏ Nang, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	187,0	187,0	-	-	-	-	-	-	187,0	187,0	-	-		
5.10	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ Veng - cánh Dù, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	176,0	176,0	-	-	-	-	-	-	176,0	176,0	-	-		
5.11	Bê tông hóa trục chính nội đồng từ Cầu Dân Dụng - Đường nhựa, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	233,0	233,0	-	-	-	-	-	-	233,0	233,0	-	-		
5.12	Điện thắp sáng đường kiểu mẫu xã, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	100,0	100,0	-	-	-	-	-	-	100,0	100,0	-	-		
5.13	Khu thể thao xã	UBND xã Hải Hưng	700,0	700,0	-	617,0	-	617	88,14	76,00	700,0	700,0	-	-		
5.14	Điểm vui, chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	UBND xã Hải Hưng	300,0	300,0	-	228,0	-	228	-	-	300,0	300,0	-	-		
5.15	Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trà Lộc	UBND xã Hải Hưng	240,0	240,0	-	-	-	-	-	-	240,0	240,0	-	-		
5.16	Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trà Tri Phú	UBND xã Hải Hưng	240,0	240,0	-	-	-	-	-	-	240,0	240,0	-	-		
5.17	Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Kim Duyệt	UBND xã Hải Hưng	240,0	240,0	-	-	-	-	-	-	240,0	240,0	-	-		
5.18	Nâng cấp nhà máy nước sạch thôn Trà Lộc, xã Hải Xuân	UBND xã Hải Hưng	560,0	560,0	-	293,0	-	293	52,32	560,0	560,0	560,0	-	-		
5.19	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xã Hải Hưng	UBND xã Hải Hưng	290,0	-	290,0	-	-	-	-	-	290,0	-	290,0	-	-	
5.20	Công trình cấp nước, xã Hải Vĩnh (giai đoạn 2)	UBND xã Hải Hưng	135,0	-	135,0	-	-	-	-	-	135,0	-	135,0	-	-	
5.21	Xây dựng tường rào sân thể thao xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Hưng	140,0	-	140,0	-	-	-	-	-	140,0	-	140,0	-	-	
5.22	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Lam Thủy, xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Hưng	130,0	-	130,0	-	-	-	-	-	130,0	-	130,0	-	-	
5.23	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Thị Ông, xã Hải Hưng	UBND xã Hải Hưng	345,0	-	345,0	-	-	-	-	-	345,0	-	345,0	-	-	
6	Hải Quy		3.983,0	3.983,0	-	-	-	-	-	-	3.183,0	3.183,0	-	-		
6.1	Nhà văn hóa xã Hải Quy	UBND xã Hải Quy	1.000,0	1.000,0	-	-	-	-	-	-	700,0	700,0	-	-		
6.2	Điểm thương mại- dịch vụ xã Hải Quy	UBND xã Hải Quy	1.600,0	1.600,0	-	-	-	-	-	-	1.100,0	1.100,0	-	-		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020				Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020				Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài				
6.3	Bê tông hóa đường xóm đoạn từ nhà ông Mao đến nhà Kỳ	UBND xã Hải Quý	29,0	29,0		-			-		29,0	29,0				
6.4	Bê tông hóa đường xóm Rú, xã Hải Quý	UBND xã Hải Quý	43,0	43,0		-			-		43,0	43,0				
6.5	Sân, tường rào nhà văn hóa thôn Văn Vân, xã Hải Quý	UBND xã Hải Quý	150,0	150,0		-			-		150,0	150,0				
6.6	Xây dựng điểm vui, chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, xã Hải Quý; hạng mục: Bể bơi, công viên ghế đá, cây xanh	UBND xã Hải Quý	261,0	261,0		-			-		261,0	261,0				
6.7	Xây dựng mới sân thể thao xã; hạng mục: Sân khấu ngoài trời, đường chạy, hệ thống âm thanh, ánh sáng	UBND xã Hải Quý	700,0	700,0		-			-		700,0	700,0				
6.8	Xây dựng mới dải tuyến thanh xã Hải Quý	UBND xã Hải Quý	200,0	200,0		-			-		200,0	200,0				
7	Hải Dương		1.040,0	-	1.040,0	872,0	-	872,0	83,85	1.040,0	-	1.040,0				
7.1	Xây mới tường rào nhà văn hóa thôn Kim Giao, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	84,0		84,0	-			-		84,0		84,0			
7.2	Xây mới hàng rào nhà văn hóa thôn Diên Khánh, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	84,0		84,0	-			-		84,0		84,0			
7.3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đông Dương, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	84,0		84,0			84,00	100,00		84,0		84,0			
7.4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn An Nhơn, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	84,0		84,0	84,0		84,00	100,00		84,0		84,0			
7.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Xuân Viên, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	84,0		84,0	84,0		84,00	100,00		84,0		84,0			
7.6	Bê tông hóa GTNT đường xóm Khe An Nhơn, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	111,5		111,5	111,5		111,5	100,00		111,5		111,5			
7.7	Bê tông hóa GTNT đường xóm Trong Đông Dương, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	131,0		131,0	131,0		131,0	100,00		131,0		131,0			
7.8	Bê tông hóa GTNT: Đường xóm Quỳnh thôn Diên Khánh, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	50,0		50,0	50,0		50,0	100,00		50,0		50,0			
7.9	Bê tông hóa GTNT đường Tây xóm mới thôn Diên Khánh, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	160,5		160,5	160,5		160,5	100,00		160,5		160,5			
7.10	Bê tông hóa GTNT đường xóm mới thôn Diên Khánh, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	167,0		167,0	167,0		167,0	100,00		167,0		167,0			
8	Hải Quế		1.040,0	-	1.040,0	493,9	-	493,9	47,49	1.040,0	-	1.040,0				
8.1	Xây dựng nhà làm việc 01 của UBND xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	515,0		515,0	493,9		493,88	95,90		515,0		515,0			
8.2	Nâng cấp, SC đường trục thôn, thôn Đơn Quế, xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	70,0		70,0	-			-		70,0		70,0			
8.3	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Kim Long, xã hải Quế	UBND xã Hải Quế	200,0		200,0	-			-		200,0		200,0			

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020			Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020			Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020			Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
8.4	BTH kênh mương tuyến Bầu Trai- Cồn Mè, xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	200,0		200,0	-			-		200,0		
8.5	Nâng cấp, sửa chữa mở rộng đường trục thôn, thôn Hội Yên xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	55,0		55,0	-			-		55,0		55,0
9	Hải Định		2.080,0		-	320,0	-	320,0	15,38		2.080,0	-	2.080,0
9.1	Xây dựng sân, tường rào nhà văn hoá xã	UBND xã Hải Định	320,0		320,0	320,0		320,00	100,00		320,0		320,0
9.2	Bê tông đường nội đồng Trạm bơm Đình Ngoại- Kênh N4, xã Hải Thành	UBND xã Hải Định	150,0		150,0	-			-		150,0		150,0
9.3	Bê tông đường nội đồng ông Châu- Dục 3, xã Hải Thành	UBND xã Hải Định	150,0		150,0	-			-		150,0		150,0
9.4	Bê tông hóa giao thông nội đồng ông Huỳnh- cầu Cơ Giỏi	UBND xã Hải Định	170,0		170,0	-			-		170,0		170,0
9.5	Bê tông hóa giao thông nội đồng ông Tư- ruộng ông Bồi, xã Thành	UBND xã Hải Định	250,0		250,0	-			-		250,0		250,0
9.6	Bê tông hòa đường ngõ xóm thôn Thiện Đông, xã Hải Thiện	UBND xã Hải Định	160,0		160,0	-			-		160,0		160,0
9.7	Bê tông hóa đường ngõ xóm thôn Thiện Tây, xã Hải Thiện	UBND xã Hải Định	160,0		160,0	-			-		160,0		160,0
9.8	Trung tâm thể dục thể thao xã Hải Thiện: Hàng mục: Khán đài, hệ thống thoát nước, nâng mặt sân.	UBND xã Hải Định	720,0		720,0	-			-		720,0		720,0
10	TT Diên Sanh		1.040,0		-	1.040,0	-	-	-		722,0	-	722,0
10.1	Bê tông hóa GTND Thọ Bắc, xã Hải Thọ	UBND TT Diên Sanh	313,0		313,0	-			-		313,0		313,0
10.2	Bê tông hóa GTND Tại Thọ Nam, xã Hải Thọ	UBND TT Diên Sanh	55,0		55,0	-			-		55,0		55,0
10.3	Bê tông hóa GTNT thôn 3, xã Hải Thọ	UBND TT Diên Sanh	57,0		57,0	-			-		57,0		57,0
10.4	Bê tông hóa đường GTNT thôn 4, thị trấn Diên Sanh	UBND TT Diên Sanh	129,00		129,00	-			-		129,0		129,00
10.5	Bê tông hóa đường GTNT thôn 2, thị trấn Diên Sanh	UBND TT Diên Sanh	64,00		64,00	-			-		64,0		64,00
10.6	Bê tông hóa đường GTNT thôn 1, thị trấn Diên Sanh	UBND TT Diên Sanh	45,00		45,00	-			-		45,0		45,00
10.7	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng thôn Thọ Bắc	UBND TT Diên Sanh	59,00		59,00	-			-		59,0		59,00
10.8	Hệ thống thoát nước sân vận động	UBND TT Diên Sanh	318,00		318,00	-			-		-		Xin điều chỉnh danh mục
11	Hải Chánh		1.040,0		-	452,0	-	452,0	43,46		1.040,0	-	1.040,0
11.1	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Cầu Nhị, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	136,0		136,0	-			-		136,0		136,0

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020			Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020			Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020			Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
11.2	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Văn Phong, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	90,0		90,0	-		-	-	90,0		90,0	
11.3	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Tân Trung, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	90,0		90,0	-		-	-	90,0		90,0	
11.4	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Vực Kè, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	90,0		90,0	90,0		90,00	100,00	90,0		90,0	
11.5	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Tân Lương, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	44,0		44,0	44,0		44,00	100,00	44,0		44,0	
11.6	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn Xuân Lộc, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	136,0		136,0	-		-	-	136,0		136,0	
11.7	Bê tông hóa đường giao thông nông, thôn Hội Kỳ, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	90,0		90,0	90,0		90,00	100,00	90,0		90,0	
11.8	Bê tông hóa đường giao thông nông, thôn Mỹ Chánh, xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	136,0		136,0	-		-	-	136,0		136,0	
11.9	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, Cảng Mỹ Chánh, xã Chánh	UBND xã Hải Chánh	228,0		228,0	228,0		228,00	100,00	228,0		228,0	
12	Hải An		4.160,0	-	4.160,0	1.729,9	-	1.729,9	41,58	4.160,0	-	4.160,0	
12.1	Hệ thống kè chống xói lở các tuyến khe thoát nước xã Hải An	UBND xã Hải An	3.910,0		3.910,0	1.729,9		1.729,91	44,24	3.910,0		3.910,0	
12.2	Dầu tư mới dài tuyến thanh xã	UBND xã Hải An	250,0		250,0	-		-	-	250,0		250,0	
13	Hải Khê		4.160,0	-	4.160,0	713,5	-	713,5	17,15	3.592,0	-	3.592,0	
13.1	San lấp mặt bằng Khu chăn nuôi tập trung thôn Trung An, xã Hải Khê (đoạn nối tiếp)	UBND xã Hải Khê	1.260,0		1.260,0	-		-	-	1.000,0		1.000,0	
13.2	Đường giao thông từ đường cơ động ven biển lên nôi khu chăn nuôi tập trung thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	UBND xã Hải Khê	352,0		352,0	-		-	-	352,0		352,0	
13.3	Hệ thống KML, cống thoát nước kè chống xói lở các tuyến thoát nước, xã Hải Khê	UBND xã Hải Khê	715,0		715,0	713,5		713,47	99,79	715,0		715,0	
13.4	Bê tông hóa giao thông nông thôn từ nhà ông Long đến nhà ông Cường, thôn Trung An, Xã Hải Khê	UBND xã Hải Khê	525,0		525,0	-		-	-	525,0		525,0	
13.5	Điện thấp sáng đường kiểu mẫu xã, và đường thôn, xã Hải Khê	UBND xã Hải Khê	1.308,0		1.308,0	-		-	-	1.000,0		1.000,0	
1.2	Bổ trí vốn dự phòng hỗ trợ HTX thuộc CT MTQG xây dựng nông thôn mới		2.728,0	2.728,0	-	609,0	-	609,0	-	2.728,0	2.728,0	-	
1	Nhà kho và cửa hàng vật tư nông nghiệp HTX Hải Vĩnh, xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Hưng	400,0	400,0		-		-	-	400,0	400,0		
2	Kênh mương nội đồng N6A2 phục vụ tưới cho vùng lúa tập trung 80 ha của HTX Phương Hải, xã Hải Ba	UBND xã Hải Ba	320,0	320,0		320,0		320	100,00	320,0	320,0		
3	Nâng cấp trạm bơm Kim Long 3 HTX Kim Long, xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	240,0	240,0		-		-	-	240,0	240,0		
4	Xây dựng mới nhà kho bảo quản nông sản và sân phơi HTX Đông Dương, xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	448,0	448,0		289,0		289	64,51	448,0	448,0		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020			Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/9/2020			Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân KH vốn năm 2020 đến 15/11/2020			Ghi chú
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
5	Bê tông hóa kênh mương Đồng Vườn HTX Văn Quy, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	400,0	400,0		-			-	400,0	400,0		
6	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng HTX Văn Quy, xã Hải Tân	UBND xã Hải Phong	230,0	230,0		-			-	230,0	230,0		
7	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng HTX Quyết Tiến, xã Hải Quy	UBND xã Hải Quy	690,0	690,0		-			-	690,0	690,0		

XÁC NHẬN KHO BẠC

BIỂU KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020 ĐẾN 15/9/2020

(Kèm theo Báo cáo số 14/UBND-BC ngày 21/9/2020 của UBND huyện Hải Lăng)



Dvt: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Giải ngân đến 15/9/2020	Tỷ lệ giải ngân (%)	Giải ngân đến 15/11/2020	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
A	TỔNG CỘNG		3.233,0	2.133,0	65,98	3.233,0	100,00	
I	Ngân sách địa phương		3.233,0	2.133,0	65,98	3.233,0	100,00	
1	Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện Hải Lăng	Ban QLDA DTXD&PTQD huyện	1.533,0	1.533,00	100,00	1.533,00	100,00	
2	Xây dựng tuyến đường kiểu mẫu xã Hải Hưng	UBND xã Hải Hưng	300,0	300,00	100,00	300,00	100,00	
3	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hóa xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	300,0	300,00	100,00	300,00	100,00	
4	Nâng cấp tuyến đê Thiệu Thọ	TT Diên Sanh	300,0		-	300,00	100,00	
5	Trường TH&THCS Hải Thượng (Hạng mục: Sân chơi và sân luyện tập thể dục thể thao)	UBND xã Hải Thượng	800,0		-	800,00	100,00	

XÁC NHẬN KHO BẠC

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Vốn sự nghiệp kinh tế)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện	Giải ngân đến 15/9/2020	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	TỔNG		6.753,0	5.853,0	2.153,4	31,9	
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất		700,0	700,0			
-	Hỗ trợ trang thiết bị cho các trung tâm văn hóa, thể thao xã (Hải Quy, Hải Hưng, Hải Thượng)	UBND các xã: Hải Quy, Hải Hưng, Hải Thượng	330,0	330,0			
-	Hỗ trợ trang thiết bị cho các nhà văn hóa, khu thể thao thôn bản (Hải Quy, Hải Hưng, Hải Thượng)	UBND các xã: Hải Quy, Hải Hưng, Hải Thượng	310,0	310,0			
-	Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu (Hải Thượng)	UBND xã Hải Thượng	351,0	351,0			
-	Thực hiện Chương trình OCOP		300,0	300,0			
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn		350,0	350,0	221,4	63,3	
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn		500,0	500,0	342,0	68,4	
-	Hỗ trợ các xã công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 (3 xã)		90,0	90,0	90,0	100,0	
-	Kinh phí BCĐ		340,0	340,0			
-	Duy tu bảo dưỡng	UBND các xã	2.500,0	2.500,0	1.500,0	60,0	
-	Trung tâm GDNN-GDTX (tỉnh quản lý)		900,0				
-	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh		82,0	82,0			

XÁC NHẬN KHO BẠC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Kèm theo Báo cáo số 24/UBND-BC ngày 24/9/2020 của UBND huyện Hải Lăng

Dv: Triệu đông

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Trong đó						Ghi chú
							NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân đóng góp	Nguồn khác	
1	Danh mục đã được phê duyệt												
1	Hải Phong (Xã Hải Tân và Hải Hòa cũ)					200,0	100,0	-	-	-	100,0	-	
-	Kiên cố hóa kênh mương Đồng Bằng	UBND xã Hải Phong			2020	200,0	100,0	-	-	-	100,0	-	
2	Thị trấn Diên Sanh (Xã Hải Thọ, TT Diên Sanh cũ)					620,0	318,0	-	-	-	136,0	-	
-	Hệ thống thoát nước sân vận động	UBND TT Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh		2020	620,0	318,0	-	-	-	136,0	-	
1	Danh mục sau điều chỉnh												
1	Hải Phú					200,0	100,0	-	-	-	100,0	-	
-	Bê tông hóa đường xóm thôn Phú Hưng xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú			2020	70,0	35,0	-	-	-	35,0	-	Xin điều chuyển vốn từ xã Hải Phong sang xã Hải Phú
-	Bê tông hóa đường xóm thôn Long Hưng xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú			2020	130,0	65,0	-	-	-	65,0	-	
2	Thị trấn Diên Sanh (Xã Hải Thọ, TT Diên Sanh cũ)					530,0	318,0	-	-	-	-	212,0	
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng HTX Thọ Nam	UBND TT Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh		2020	530,0	318,0	-	-	-	-	212,0	Vốn của thành viên HTX